TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH GIANG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2018/HS-ST
Ngày 03-8-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường.

Các Hội thẩm nhân dân nhân dân: Ông Phạm Văn Quang và ông Vũ Đình Mạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Cao Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Vũ Quang- Kiểm sát viên.

Bà Dương Thị Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 38/2018/TLST-HS ngày 21 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2018/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 7 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn V, sinh năm 1978 tại xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: Khu T, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V1 và bà Lê Thị T2; có vợ và 02 con; tiền án: không, tiền sự: không;

2. Lê Kim Nh, sinh năm 1966, tại xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: Khu T, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 5/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Vĩnh P (đã chết) và bà Nhữ Thị V2 (đã chết); có vợ và 03 con; tiền án: không, tiền sự: không; bị tạm giữ 06 ngày từ 29/3/2018 đến ngày 04/4/2018 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. Phạm Văn Nh1, sinh năm 1975, tại xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: Khu T, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Q (đã chết) và bà Nguyễn Thị C1; có vợ và 02 con; tiền án: không, tiền sự: không; bị tạm giữ 06 ngày từ 29/3/2018 đến ngày 04/4/2018

thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

4. Lê Văn P, sinh năm 1962, tại xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: Khu T, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 7/10; dân tộc: Kinh ; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Vĩnh P (đã chết) và bà Nhữ Thị V2 (đã chết); có vợ và 03 con; tiền án: không, tiền sự: không; bị tạm giữ 06 ngày từ 29/3/2018 đến ngày 04/4/2018 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

5. Phạm Quang C, sinh năm 1989 tại xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: Khu T, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn):12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn P1 và bà Đặng Thị L; tiền án: không, tiền sự: không; bị tạm giữ 05 ngày từ 30/3/2018 đến ngày 04/4/2018 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

6. Nguyễn Văn T, sinh năm 1985, tại xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: Khu T, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12, dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hoàng G(đã chết) và bà Phạm Thị M; có vợ và 02 con; tiền án: không, tiền sự: không;

7. Lê Văn Ng, sinh năm 1983, tại xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: Khu T, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh ; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Như S và bà Phạm Thị S1; có vợ và 02 con; tiền án: không, tiền sự: không;

8. Nguyễn Bá H, sinh năm 1983, tại xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: Khu T1, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn):9/12; dân tộc: Kinh ; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Huy S2 (đã chết) và bà Lê Thị M1; có vợ và 03 con; tiền án: không, tiền sự: không; nhân thân: bị Tòa án nhân dân huyện Bình Giang xử phạt 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng tại bản án hình sự sơ thẩm số 24/2012/HSST ngày 28/8/2012 (với tổng số tiền dùng vào đánh bạc của các bị cáo trong vụ án là 3.720.000 đồng);

9. Đỗ Xuân T1, sinh năm 1969, tại xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: Khu T, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 7/10; dân tộc: Kinh ; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Xuân S3 (đã chết) và bà Lâm Thị T3 (đã chết); có vợ và 02 con; tiền án: không, tiền sự: không.

Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:*

Anh Vũ Ngọc Kh, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Khu T1, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương

Anh Vũ Khắc H, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Khu T1, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương

Anh Phạm Văn M, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Khu T, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương

Anh Kh, anh H, anh M vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng gần 14 giờ ngày 29/3/2018, nhân dịp lễ Phục sinh, sau khi tham dự lễ rước Chiên tại nhà Mụ (thuộc xã T, huyện Bình Giang) xong thì Nguyễn Văn V, Lê Văn P cùng một số người khác đến nhà Đỗ Xuân T1 (ở cạnh nhà Mụ) chơi. Trong lúc ngồi uống nước mọi người rủ nhau đánh bạc trái phép dưới hình thức xóc đĩa (không xác định được ai là người đề xướng). V, P cùng một số người (quá trình điều tra không xác định được là ai) đồng ý đánh bạc và đi vào gian phòng trong của nhà T1 thì thấy có sẵn chiếu, chăn, 01 bát, 01 đĩa sứ và 04 quân vị hình tròn ở trên nền nhà nên mọi người sử dụng để đánh bạc, V là người cầm cái. Các thức đánh bạc là : Người cầm cái cho 4 quân vị (mỗi quân có hai màu khác nhau ở hai mặt) vào đĩa rồi úp bát lên xóc nhiều lần, sau đó đặt xuống, người chơi tùy ý đặt tiền bên chẵn hoặc bên lẻ. Mức đặt tiền thấp Nh1 là 50.000 đồng. Khi mở bát ra, nếu có 4 hoặc 2 quân vị có mặt ngửa lên trên cùng màu thì người chơi đặt tiền bên chẵn thắng, được số tiền bằng số tiền đã đặt, còn người đặt tiền bên lẻ thua, mất số tiền đã đặt; còn nếu có 1 quân vị khác màu với 3 quân vị còn lại, thì bên lẻ thắng, bên chẵn thua phải trả tiền cho bên lẻ. Người cầm cái sẽ thu tiền của người thua trả cho người thắng, dựa trên số tiền người chơi đã đặt, nếu thiếu thì người cầm cái tự bỏ tiền ra bù vào để trả đủ cho người thắng, ngược lại nếu thừa thì người cầm cái được số tiền thừa. V, P và một số người (quá trình điều tra không xác định được là ai) đánh bạc được một lúc thì có thêm Lê Kim Nh, Phạm Văn Nh1, Phạm Quang C, Nguyễn Văn T, Lê Văn Ng và Nguyễn Bá H đến tham gia đánh bạc. Cả nhóm chơi đến 14 giờ 30 phút cùng ngày thì bị cơ quan công an huyện Bình Giang bắt quả tang. Tuy nhiên, một số đối tượng đã bỏ chạy, nên cơ quan công an chỉ bắt, giữ và lập biên bản với sự có mặt của Lê Văn P, Lê Kim Nh, Phạm Văn Nh1, Phạm Quang C, ngoài ra có anh Vũ Ngọc Khải, anh Vũ Khắc Hùng và thu giữ tại chiếu bạc số tiền 6.300.000 đồng và công cụ để đánh bạc gồm 01 chiếc chăn nỉ màu đỏ; 01 đĩa sứ, 01 bát sứ; 04 quân vị hình tròn; 01 chiếu đôi hoa văn màu đỏ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia có sim số 0987.513.399; thu trên người Nh 3.600.000 đồng; thu trên người P 15.000 đồng. Ngày 30/3/2018, C ra đầu thú và giao nộp 90.000 đồng là tiền có ý định sử dụng để đánh bạc nhưng bị cáo vẫn giữ được trong người, đến ngaỳ 09,12, 13, 17/4/2018 thì lần lượt V, H, Ng, T và T1 ra đầu thú.

Quá trình điều tra xác định được anh Vũ Ngọc Kh, Phạm Văn M và Vũ Khắc H không tham gia đánh bạc mà chỉ vào xem. Đỗ Xuân T1 không đánh bạc nhưng biết rõ việc những người khác đánh bạc tại nhà mình, song vì nể nang nên T1 không can ngăn

mà chấp nhận để họ đánh bạc tại nhà mình. Ngoài ra, theo lời khai của các bị cáo thì còn có một số người khác cũng tham gia đánh bạc nhưng các bị cáo không biết là ai vì hôm đó là ngày lễ đông người, có cả người lạ, quá trình điều tra cũng không thu thập được chứng cứ để xác định được lai lịch họ là ai.

Quá trình điều tra đã kết luận: Lê Văn P khi tham gia đánh bạc có mang theo 165.000 đồng, P có ý định và đã sử dụng 150.000 đồng vào việc đánh bạc, còn 15.000 không có ý định sử dụng vào đánh bạc, P vẫn để trong người và bị thu giữ khi bị bắt quả tang.

Lê Kim Nh khi mới tham gia đánh bạc có mang theo trong người 3.800.000 đồng và có ý định sử dụng toàn bộ số tiền này vào việc đánh bạc. Nh đã bỏ ra 200.000 đồng đánh và bị thua. Khi công an bắt quả tang, thì Nh còn 3.600.000 đồng trên người và bị thu giữ.

Phạm Văn Nh1 khi tham gia đánh bạc có mang theo trong người 400.000 đồng, có ý định sử dụng toàn bộ số tiền này vào việc đánh bạc. Khi bị công an bắt quả tang, Nh1 đã vứt toàn bộ số tiền có trong tay xuống chiếu bạc.

Phạm Quang C khi tham gia đánh bạc có mang theo trong người 290.000 đồng, có ý định sử dụng toàn bộ để đánh bạc. C đã bỏ ra 200.000 đồng để đánh bạc, khi bị công an bắt, C đã vứt toàn bộ số tiền đánh bạc trên tay xuống chiếu. Còn lại 90.000 đồng C vẫn giữ trong người, quá trình điều tra, C đã giao nộp 90.000 đồng này cho cơ quan điều tra quản lý.

Nguyễn Văn V khi tham gia đánh bạc có mang theo trong người 1.700.000 đồng, có ý định sử dụng toàn bộ để đánh bạc, khi bị công an bắt, V đã vứt toàn bộ số tiền đánh bạc trên tay xuống chiếu.

Nguyễn Bá H khi tham gia đánh bạc có mang theo trong người 100.000 đồng, sử dụng toàn bộ để đánh bạc và đã bị thua hết.

Nguyễn Văn T khi tham gia đánh bạc có mang theo trong người 250.000 đồng, sử dụng toàn bộ để đánh bạc và đã bị thua hết.

Lê Văn Ng khi tham gia đánh bạc có mang theo trong người 240.000 đồng, sử dụng toàn bộ để đánh bạc và đã bị thua hết.

Như vậy, xác định số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc gồm : 6.300.000 đồng trên chiếu bạc, 3.600.000 đồng thu của Nh, 90.000 đồng của C, tổng là 9.990.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 35/CT-VKS ngày 20/6/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang truy tố các bị cáo Lê Văn P, Phạm Văn Nh1, Lê Kim Nh, Phạm Quang C, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn T, Lê Văn Ng, Nguyễn Bá H, Đỗ Xuân T1 về tội Đánh bạc, theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố của bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn V, Lê Kim Nh, Phạm Văn Nh1, Lê Văn P, Phạm Quang C, Nguyễn Bá H, Nguyễn Văn T, Lê Văn Ng, Đỗ Xuân T1

phạm tội Đánh bạc.

- Về hình phạt:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 65 BLHS đề nghị xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn V từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng; bị cáo Lê Kim Nh từ 07 tháng đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 20 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17, Điều 58; khoản 1, 2, 3 Điều 36 điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo Phạm Quang C, Lê Văn P, Lê Văn Ng, Nguyễn Văn T; áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Phạm Văn Nh1 đề nghị xử phạt các bị cáo C, P, Ng, T, Nh1, mỗi bị cáo từ 09 tháng đến 11 tháng cải tạo không giam giữ (các bị cáo P, Nh1 được trừ đi 06 ngày tạm giữ bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ; bị cáo C được trừ đi 05 ngày tạm giữ bằng 15 ngày cải tạo không giam giữ), các bị cáo P, Nh1 còn phải chấp hành từ 08 tháng 12 ngày đến 10 tháng 12 ngày; bị cáo C còn phải chấp hành từ 08 tháng 15 ngày đến 10 tháng 15 ngày, khấu trừ từ 05% đến 10% thu nhập của mỗi bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt, thời hạn tính từ ngày UBND xã T nhận được bản án, quyết định thi hành án.

Giao các bị cáo V, Nh cho UBND xã T giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Giao bị cáo C, Nh1, T, Ng, P cho UBND xã T giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17, Điều 58; khoản 1, 3 Điều 35; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Đỗ Xuân T1; áp dụng 1 Điều 321; Điều 17, Điều 58; khoản 1, 3 Điều 35, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Bá H, đề nghị xử phạt mỗi bị cáo T1 và H từ 20.000.0000 đồng đến 25.000.000 đồng nộp Ngân sách nhà nước.

Hình phạt bổ sung: Do các bị cáo V, Nh, Nh1, C, P, T, Ng có hoàn cảnh khó khăn, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

- Vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a,b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, b khoản 2 và khoản 3 Điều 106 BLTTHS, đề nghị: Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 9.990.000 đồng; Tịch thu tiêu hủy 01 bát, 01 đĩa sứ, 01 chiếu đôi, 01 chăn, 04 quân vị; Trả bị cáo P số tiền 15.000 đồng nhưng giữ lại để thi hành án.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật TTHS, Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST theo quy định.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận đã thực hiện hành vi sát phạt nhau được thua bằng tiền với thời gian, địa điểm, cách đánh, số tiền đã sử dụng, có ý định sử dụng vào việc đánh bạc… như nêu trên, riêng bị cáo T1 khai không trực tiếp tham gia sát phạt với các bị cáo khác, song đã để cho các bị cáo khác thực hiện hành vi nêu trên tại nhà ở mình. Các bị cáo đều Nh1 trí với truy tố của Viện kiểm sát và xin được giảm nhẹ hình phạt..

Người làm chứng là anh Kh, anh H, anh M khai chứng kiến sự việc các bị cáo chơi được thua bằng tiền nêu trên tại nhà bị cáo T1 vào ngày 29/3/2018, ngoài ra tại nhà bị cáo T1 còn có một số người khác, nhưng không biết họ là ai, ở đâu, họ có tham gia đánh bạc hay không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bình Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Nội dung vụ án:

Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm, tính chất và diễn biến hành vi mà các bị cáo đã thực hiện, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, với lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở để kết luận:

Vào khoảng thời gian từ 14 giờ đến 14 giờ 30 phút ngày 29/3/2018, tại nhà ở của bị cáo Đỗ Xuân T1 ở xã T, huyện B, bị cáo T1 đã để cho các bị cáo Nguyễn Văn V, Lê Văn P và sau đó có thêm Phạm Văn Nh1, Lê Kim Nh, Phạm Quang C, Nguyễn Văn T, Lê Văn Ng, Nguyễn Bá H cùng thực hiện hành vi sử dụng công cụ là bát, đĩa sứ, 4 quân vị để chơi được thua bằng tiền trái phép. Quy ước chơi là cho 4 quân vị (có 2 mặt với 2 màu sáng, tối) vào đĩa sứ, dùng bát úp lên đĩa và xóc bát đĩa lên rồi mở bát ra, nếu có 2 hoặc 4 quân vị có mặt ngửa lên cùng màu thì người đặt cửa "chẵn" thắng ; trường hợp còn lại thì người đặt cửa "lẻ" thắng. Người chơi đặt tiền cửa "chẵn" hoặc cửa "lẻ" với số tiền tối thiểu là 50.000 đồng. Người chơi thắng hoặc thua số tiền bằng với số tiền đã đặt cửa. Sau khi mở bát, người trực tiếp xóc bát đĩa (người cầm cái) thu tiền của người bị thua để trả cho người thắng, nếu số tiền thu về sau khi trả cho người thắng còn thừa thì người cầm cái được hưởng, ngược lại thì phải bỏ tiền cá nhân ra bù vào. Quá trình phát hiện, bắt quả tang và điều tra vụ án, cơ quan điều tra đã thu giữ tổng số tiền 9.990.000 đồng gồm 6.300.000 đồng (trên chiếu bạc) + 3.600.000 đồng trên người bị cáo Nh và thu 90.000 đồng bị cáo C nộp (Nh và C đều thừa nhận sử dụng số tiền để chơi) . Như vậy, xác định tổng số tiền các bị cáo đã sử dụng để chơi được thua bằng tiền với nhau là 9.990.000 đồng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo V, P, Nh1, Nh, C, T, Ng, H là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự công cộng. Các bị cáo đều có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ được hậu quả nguy hiểm cho xã hội của việc chơi được thua sát phạt nhau bằng tiền, nhưng vẫn thực hiện là có lỗi cố ý. Do vậy, hành vi của các bị cáo V, P, Nh1, Nh, C, T, Ng, H đã đồng phạm tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo T1 không trực tiếp đánh bạc, song cho các bị cáo khác đánh bạc tại nhà của mình, nhưng không thu tiền của bị cáo khác, không tổ chức kinh doanh cầm đồ, dịch vụ phục vụ việc đánh bạc, không tổ chức cắt cứ người theo dõi, canh gác....., nên bị cáo T1 đồng phạm tội Đánh bạc với các bị cáo trên, trong vai trò là người giúp sức.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Do các bị cáo phạm tội, nên phải chịu trách nhiệm hình sự.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét tính chất của đồng phạm, vai trò của từng bị cáo trong đồng phạm, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự (TNHS), thấy rằng:

Các bị cáo phạm tội do bột phát, nhân thời điểm nghỉ ngơi trong ngày lễ của đạo Thiên chúa mà không bàn bạc từ trước nên là đồng phạm giản đơn.

Bị cáo V là người cầm cái, sử dụng 1.700.000 đồng để đánh bạc từ đầu cho tới khi bị phát hiện nên giữ vai trò người thực hành tích cực Nh1 trong đồng phạm.

Bị cáo Nh sử dụng số tiền đánh bạc 3.800.000 đồng, vào tham gia đánh bạc sau bị cáo V, nên giữ vai trò tích cực thứ hai trong đồng phạm.

Bị cáo Nh1 sử dụng 400.000 đồng đánh bạc, bị cáo C sử dụng 290.000 đồng đánh bạc, bị cáo Ng sử dụng 240.000 đồng đánh bạc, bị cáo T sử dụng 250.000 đồng đánh bạc, bị cáo P sử dụng 150.000 đồng đánh bạc nên các bị cáo Nh1, C, Ng, T và P cùng là người thực hành, giữ vai trò tích cực ngang nhau trong trong đồng phạm, sau bị cáo Nh.

Bị cáo H sử dụng 100.000 đồng đánh bạc cùng bị cáo T1 là đồng phạm giữ vai trò người giúp sức, nên hai bị cáo giữ vai trò tích cực sau cùng trong đồng phạm.

Về nhân thân: Các bị cáo V, P, Nh1, Nh, C, T, Ng, T1 có nhân thân tốt, đều chưa từng phạm tội, chấp hành tốt chính sách, pháp luật của nhà nước. Đối với H đã bị xét xử về tội đánh bạc tại bản án hình sự sơ thẩm số 24/2012/HSST ngày 28/8/2012 (với tổng số tiền dùng vào đánh bạc của các bị cáo trong vụ án là 3.720.000 đồng và H khi phạm tội không có tiền án, tiền sự về hành vi đánh bạc, gá bạc, tổ chức đánh bạc), nay theo quy định tại điều 321 Bộ luật hình sự 2015 thì hành vi đánh bạc đó không còn bị coi là tội phạm, nên áp dụng khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự 2015 có lợi cho bị cáo H, thì H đương nhiên được xóa án tích của bản án hình sự trên.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Các bị cáo (trừ bị cáo H) đều phạm tội lần đầu, phạm tội ít nghiêm trọng nên hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Các bị cáo C, V, H, T, Ng và T1 sau khi thực hiện tội phạm, bị phát hiện đã tự nguyện ra trình diện và khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị cáo T1 có mẹ đẻ (bà Lâm Thị T3) được tặng thưởng Huân chương và huy chương kháng chiến; bị cáo P, Nh có anh ruột là Liệt sỹ Lê Đình H, nên các bị cáo C, V, H, T, Ng, T1, P, Nh được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Đối với bị cáo Nh1 có

bố đẻ là thương binh hạng 1/4, tuy nhiên xét thấy đây không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên Hội đồng xét xử không áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với Nh1.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về hình phạt chính:

Bị cáo V giữ vai trò đầu, bị cáo V và Nh đánh bạc với số tiền nhiều hơn trong nhóm, nên với hai bị cáo này cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, ở mức tương xứng đối với hai bị cáo, mức hình phạt với Nh thấp hơn đối với bị cáo V mới đảm bảo đủ sức răn đe bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, đủ điều kiện cho hưởng án treo và xét tình hình địa phương thì thấy rằng việc cho các bị cáo hưởng án treo trong trường hợp này không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội nên không cần bắt các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mà cho các bị cáo hưởng án treo tự cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của UBND xã nơi bị cáo cư trú.

Các bị cáo Nh1, C, Ng, T, P cùng giữ vai trò tích cực sau bị cáo V, Nh phạm tội ít nghiêm trọng, đánh bạc với số tiền không nhiều, đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy không cần thiết phải cách ly người phạm tội ra khỏi xã hội, nên áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ với các bị cáo là phù hợp.

Bị cáo T1 giữ vai trò giúp sức, thứ yếu trong vụ án và có nhân thân tốt; Bị cáo H là người vào chơi đánh bạc sau với số tiền ít trong thời gian ngắn nên chỉ cần áp dụng hình phạt tiền (ở mức tương xứng với tính chất hành vi phạm tội và hoàn cảnh kinh tế) đối với H và T1 là đủ để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Đối với các bị cáo V, Nh, Nh1, C, Ng T, P xét thấy hoàn cảnh kinh tế của các bị cáo khó khăn, thu nhập không ổn định nên không áp dụng phạt bổ sung là phạt tiền; Đối với bị cáo H và T1 không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền vì đã là hình phạt chính.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Số tiền 9.990.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc là công cụ, phương tiện thực hiện tội phạm, nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

01 chiếc chăn nỉ màu đỏ; 01 đĩa sứ, 01 bát sứ; 04 quân vị hình tròn; 01 chiếu đôi hoa văn màu đỏ là tài sản của vợ chồng bị cáo T1, là công cụ để sử dụng vào đánh bạc; mặt khác, vợ bị cáo T1 là chị Lê Thị Nhận ngay trong giai đoạn điều tra có quan điểm không đề nghị nhận lại các tài sản này vì đã cũ, không còn giá trị sử dụng. Do vậy, cần tịch thu, tiêu hủy.

15.000 đồng thu giữ của bị cáo P là tiền của bị cáo không sử dụng vào đánh bạc, nên cần áp dụng khoản 3 Điều 106 trả lại cho bị cáo, nhưng giữ lại để đảm bảo việc thi hành án của bị cáo P.

Đối với 01 điện thoại hiệu Nokia thu giữ của bị cáo V, 01 điện thoại Sam sung

Galaxy S3 thu giữ của bị cáo C, cơ quan điều tra đã trả lại cho các bị cáo do không có căn cứ xác định các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc, nên Hội đồng xét xử không phải xem xét, xử lý.

Về án phí: Các bị cáo phạm tội, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong vụ án này, do không có đủ căn cứ xác định các thành viên trong gia đình bị cáo T1 biết và để cho các bị cáo đánh bạc tại nhà ở của mình, nên cơ quan điều tra không xem xét, xử lý là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Văn V, Lê Văn P, Phạm Văn Nh1, Lê Kim Nh, Phạm Quang C, Nguyễn Văn T, Lê Văn Ng, Nguyễn Bá H và Đỗ Xuân T1 phạm tội Đánh bạc.

2. Về hình phạt:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, khoản 1 và khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với bị cáo Nguyễn Văn V; Lê Kim Nh.

Xử phạt bị cáo V 10 (mười) tháng tù, cho hưởng án treo với thời thử thách là 20 (hai mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (03/8/2018).

Xử phạt bị cáo Lê Kim Nh 08 (tám) tháng tù, cho hưởng án treo với thời thử thách là 16 (mười sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (03/8/2018).

Giao bị cáo V, Nh cho UBND xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm Ng vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể áp quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Phạm Văn Nh1, Phạm Quang C, Lê Văn Ng, Nguyễn Văn T và Lê Văn P. Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Phạm Quang C, Lê Văn Ng, Nguyễn Văn T và Lê Văn P.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Nh1 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 06 ngày bị tạm giữ =18 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải chấp hành 08 (tám) tháng, 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương nhận được Bản án và Quyết định thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Phạm Quang C 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, được

trừ 05 ngày bị tạm giữ =15 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải chấp hành 08 (tám) tháng 15 (mười lăm) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương nhận được Bản án và Quyết định thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn Ng 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương nhận được Bản án và Quyết định thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương nhận được Bản án và Quyết định thi hành án.

Xử phạt bị cáo Lê Văn P 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 06 ngày bị tạm giữ =18 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải chấp hành 08 (tám) tháng, 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương nhận được Bản án và Quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Nh1, C, Ng, T, P cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian các bị cáo chấp hành hình phạt.

Khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng của mỗi bị cáo Nh1, C, Ng, T, P trong thời gian các bị cáo chấp hành hình phạt để sung quỹ nhà nước.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; khoản 1 và khoản 3 Điều 35 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Bá H.

Xử phạt Nguyễn Bá H 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng nộp ngân sách nhà nước.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s,i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Khoản 1 và khoản 3 Điều 35 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đỗ Xuân T1.

Xử phạt Đỗ Xuân T1 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng nộp ngân sách nhà nước.

3. Về vật chứng và biện pháp tư pháp:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 9.990.000 (chín triệu chín trăm chín mươi nghìn) đồng.

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc chăn nỉ màu đỏ; 01 đĩa sứ, 01 bát sứ; 04 quân vị hình tròn; 01 chiếu đôi hoa văn màu đỏ.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo Lê Văn P số tiền 15.000 (mười lăm nghìn) đồng, nhưng giữ lại để đảm bảo việc thi hành án.

Các vật chứng, số tiền nêu trên hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/6/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Giang và Chi cục thi hành án dân sự huyện

Bình Giang.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc Nguyễn Văn V, Lê Văn P, Phạm Văn Nh1, Lê Kim Nh, Phạm Quang C, Nguyễn Văn T, Lê Văn Ng, Nguyễn Bá H và Đỗ Xuân T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đã ký

Nguyễn Văn Cường

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Bình Giang;
- Công an huyện Bình Giang;
- Chi cục THADS H. Bình Giang;
- Cơ quan THAHSCA T. Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Các bị cáo;
- Lưu HSVA;